

*Hà Nội, ngày 01 tháng 09 năm 2025*

Số: 001/WINCO-CV  
V/v đăng ký cung cấp thông tin  
phục vụ công bố giá vật liệu xây  
dựng hàng tháng của Sở xây  
dựng Hải Phòng

Kính gửi: Sở Xây dựng Hải Phòng.

Thực hiện yêu cầu của Sở Xây dựng Hải Phòng theo Công văn số 5230/SXD-KTQLĐTXD ngày 30/7/2025.

Công ty Cổ phần Winco Việt Nam đề nghị Sở xây dựng Hải Phòng xem xét đăng ký thông tin công bố giá sản phẩm hàng hoá, vật liệu xây dựng do đơn vị hiện đang sản xuất, kinh doanh vào Bảng công bố giá vật liệu xây dựng định kỳ của Sở xây dựng, nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin về đơn vị**

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Winco Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0108328558
- Địa chỉ trụ sở chính: Ô số 12TT3, Khu đô thị Văn Phú, Phường Kiến Hưng, Thành phố Hà Nội
- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Văn Đông** - chức vụ **Phó Tổng giám đốc** (Theo giấy uỷ quyền số 01.05.2025/UQ ngày 13 tháng 05 năm 2025 của Tổng giám đốc Công ty)
- Điện thoại: 0246 293 886
- Địa chỉ nhà máy: Cụm Công nghiệp Quất Động, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội.
- Người chịu trách nhiệm báo giá: Nguyễn Thị Phương  
Số điện thoại: 097 164 0488. Email: kinhdoanh5@wincovn.vn

**II Thông tin sản phẩm hàng hoá, vật liệu xây dựng đề nghị công bố:**

1. Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy số HQ2023.058/TB-TĐC ngày 09/08/2023 của Sở Khoa học và Công nghệ TP Hà Nội có giá trị từ ngày 09 tháng 08 năm 2023 đến ngày 09 tháng 01 năm 2026
2. Thông báo tiếp nhận công bố hợp chuẩn số HC2024.017/TB-TĐC ngày 04/04/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ TP Hà Nội có giá trị từ ngày 04 tháng 04 năm 2024 đến ngày 25 tháng 03 năm 2027
3. Giấy Chứng nhận hợp quy số HQ.23.00.0204 có giá trị từ ngày 10/01/2023 đến ngày 09/01/2026





4. Giấy chứng nhận hợp chuẩn số 09733-QPV có giá trị từ ngày 25/03/2024 đến ngày 25/03/2027
6. ISO 9001:2015 Có giá trị từ ngày 23/09/2022 đến ngày 22/09/2025;
7. ISO14001:2015 có giá trị từ ngày 23/09/2022 đến ngày 22/09/2025;
8. ISO45001:2018 có giá trị từ ngày 23/09/2022 đến ngày 22/09/2025
9. TCVN 7997: 2009 có giá trị từ ngày 23/04/2024 đến ngày 22/04/2027;
10. TCVN 8699: 2011 có giá trị từ ngày 23/04/2024 đến ngày 22/04/2027;
11. Bảng giá sản phẩm, hàng hóa của Công ty CP Winco Việt Nam kèm theo áp dụng từ ngày **01/09/2025** đến khi có Bảng niêm yết giá mới.
12. Cataloge sản phẩm

### **III. Thời điểm mức giá có hiệu lực**

Từ ngày 01 tháng 09 năm 2025 đến khi có Bảng giá sản phẩm, hàng hóa thay thế gửi về Sở Xây dựng, Sở Tài chính.

### **IV. Cam kết của Công ty**

1. Các sản phẩm, hàng hóa đề nghị công bố giá không vi phạm các quy định về khai thác, chế biến, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa tương ứng;
2. Đã hiểu rõ các hành vi bị cấm trong lĩnh vực giá và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo các quy định của pháp luật;
3. Các sản phẩm, hàng hóa đăng ký công bố thông tin đảm bảo chất lượng theo các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn hiện hành;
4. Giá đăng ký công bố là giá đảm bảo thực hiện giao dịch của Công ty; không bao gồm thuế VAT, không bao gồm các khuyến mại hoặc chiết khấu.
5. Nếu có sự thay đổi về giá, phương thức bán hàng và các thông tin khác, Công ty sẽ có trách nhiệm thông báo kịp thời tới Sở Xây dựng, Sở Tài chính để cập nhật.

Công ty CP Winco Việt Nam xin chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã cung cấp./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: .....

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**  
(Ký tên và đóng dấu)  
  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Dương Văn Đông*





## BẢNG GIÁ BÁN SẢN PHẨM, HÀNG HÓA VLXD ĐÈN TRUNG TÂM CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Công văn số: 001/ WINCO-CV ngày 01/09/2025 của Công ty Cổ phần Winco Việt Nam)

## 1. Bảng giá bán sản phẩm hàng hoá

Đơn vị tính: đồng

| STT | Nhóm vật liệu *   | Tên vật liệu                                                                                                                                                                                          | Đơn vị tính * | Tiêu chuẩn kỹ thuật    | Quy Cách | Nhà sản xuất              | Xuất Xứ  | Điều kiện thương mại | Vận chuyển            | Giá bán trên địa bàn Tỉnh Hải Phòng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)     |
|-----|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------|----------|---------------------------|----------|----------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| I   |                   | ĐÈN LED CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG PHỐ                                                                                                                                                                          |               |                        |          |                           |          |                      |                       |                                                                              |
|     |                   | ĐÈN ĐƯỜNG LED A-WIN MAX: CHIP LED NICHIA-JAPAN/PHILIPS; DRIVER: INVENTRONICS/PHILIPS; BẢO VỆ XUNG ÁP 25KV-10KA; HIỆU SUẤT PHÁT QUANG $\geq 115\text{LM/W}$ ; CRI : 70; IP66; IK08; ( BẢO HÀNH 5 NĂM ) |               |                        |          |                           |          |                      |                       |                                                                              |
| 1   | Vật tư ngành điện | Đèn đường Led A-WIN MAX công suất 60W DIM 6 cấp                                                                                                                                                       | Bộ            | TCVN 7722-2-3:2019/IEC | Vỏ nhôm  | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Đã bao gồm vận chuyển | 7.750.000<br>7.875.000<br>8.375.000<br>8.650.000<br>8.750.000                |
| 2   |                   | Đèn đường Led A-WIN MAX công suất 80W DIM 6 cấp                                                                                                                                                       | Bộ            | TCVN 7722-2-3:2019/IEC | Vỏ nhôm  | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Đã bao gồm vận chuyển | 6.562.500<br>6.830.000<br>6.982.500<br>7.050.000<br>7.125.000                |
| 3   |                   | Đèn đường Led A-WIN MAX công suất 100W DIM 6 cấp                                                                                                                                                      | Bộ            | TCVN 7722-2-3:2019/IEC | Vỏ nhôm  | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Đã bao gồm vận chuyển | 6.562.500<br>6.830.000<br>6.982.500<br>7.050.000<br>7.125.000                |
| 4   |                   | Đèn đường Led A-WIN MAX công suất 120W DIM 6 cấp                                                                                                                                                      | Bộ            | TCVN 7722-2-3:2019/IEC | Vỏ nhôm  | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Đã bao gồm vận chuyển | 6.562.500<br>6.830.000<br>6.982.500<br>7.050.000<br>7.125.000                |
| 5   |                   | Đèn đường Led A-WIN MAX công suất 150W DIM 6 cấp                                                                                                                                                      | Bộ            | TCVN 7722-2-3:2019/IEC | Vỏ nhôm  | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Đã bao gồm vận chuyển | 6.562.500<br>6.830.000<br>6.982.500<br>7.050.000<br>7.125.000                |
| II  |                   | ĐÈN ĐƯỜNG LED A-WIN MINI: CHIP LED NICHIA-JAPAN/PHILIPS; DRIVER: INVENTRONICS/PHILIPS; BẢO VỆ XUNG ÁP 25KV-10KA; HIỆU SUẤT PHÁT QUANG $\geq 120\text{LM/W}$ ; CRI : 70; IP66; IK08 ( BẢO HÀNH 5 NĂM ) |               |                        |          |                           |          |                      |                       |                                                                              |
| 1   | Vật tư ngành điện | Đèn đường Led A-WIN MINI công suất 60W DIM 6 cấp                                                                                                                                                      | Bộ            | TCVN 7722-2-3:2019/IEC | Vỏ nhôm  | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Đã bao gồm vận chuyển | 12.800<br>14.900<br>21.400<br>29.300<br>42.500<br>55.300<br>63.600<br>78.100 |
| 2   |                   | Đèn đường Led A-WIN MINI công suất 80W DIM 6 cấp                                                                                                                                                      | Bộ            | TCVN 7722-2-3:2019/IEC | Vỏ nhôm  | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Đã bao gồm vận chuyển | 12.800<br>14.900<br>21.400<br>29.300<br>42.500<br>55.300<br>63.600<br>78.100 |
| 3   |                   | Đèn đường Led A-WIN MINI công suất 100W DIM 6 cấp                                                                                                                                                     | Bộ            | TCVN 7722-2-3:2019/IEC | Vỏ nhôm  | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Đã bao gồm vận chuyển | 12.800<br>14.900<br>21.400<br>29.300<br>42.500<br>55.300<br>63.600<br>78.100 |
| 4   |                   | Đèn đường Led A-WIN MINI công suất 120W DIM 6 cấp                                                                                                                                                     | Bộ            | TCVN 7722-2-3:2019/IEC | Vỏ nhôm  | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Đã bao gồm vận chuyển | 12.800<br>14.900<br>21.400<br>29.300<br>42.500<br>55.300<br>63.600<br>78.100 |
| 5   |                   | Đèn đường Led A-WIN MINI công suất 150W DIM 6 cấp                                                                                                                                                     | Bộ            | TCVN 7722-2-3:2019/IEC | Vỏ nhôm  | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Đã bao gồm vận chuyển | 12.800<br>14.900<br>21.400<br>29.300<br>42.500<br>55.300<br>63.600<br>78.100 |
| II  |                   | SẢN PHẨM ONG NHỰA XOÀN CHỊU LỰC HDPE                                                                                                                                                                  |               |                        |          |                           |          |                      |                       |                                                                              |
| 1   |                   | Ông nhựa xoắn HDPE WINCO Ø 32/25                                                                                                                                                                      | mét           |                        | Nhựa     | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Đã bao gồm vận chuyển | 12.800<br>14.900<br>21.400<br>29.300<br>42.500<br>55.300<br>63.600<br>78.100 |
| 2   |                   | Ông nhựa xoắn HDPE WINCO Ø 40/30                                                                                                                                                                      | mét           |                        | Nhựa     | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Đã bao gồm vận chuyển | 12.800<br>14.900<br>21.400<br>29.300<br>42.500<br>55.300<br>63.600<br>78.100 |
| 3   |                   | Ông nhựa xoắn HDPE WINCO Ø 50/40                                                                                                                                                                      | mét           |                        | Nhựa     | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Đã bao gồm vận chuyển | 12.800<br>14.900<br>21.400<br>29.300<br>42.500<br>55.300<br>63.600<br>78.100 |
| 4   |                   | Ông nhựa xoắn HDPE WINCO Ø 65/50                                                                                                                                                                      | mét           |                        | Nhựa     | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Đã bao gồm vận chuyển | 12.800<br>14.900<br>21.400<br>29.300<br>42.500<br>55.300<br>63.600<br>78.100 |
| 5   |                   | Ông nhựa xoắn HDPE WINCO Ø 85/65                                                                                                                                                                      | mét           |                        | Nhựa     | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Đã bao gồm vận chuyển | 12.800<br>14.900<br>21.400<br>29.300<br>42.500<br>55.300<br>63.600<br>78.100 |
| 6   | Vật tư ngành điện | Ông nhựa xoắn HDPE WINCO Ø 105/80                                                                                                                                                                     | mét           | TCVN 7997:2009         | Nhựa     | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Đã bao gồm vận chuyển | 12.800<br>14.900<br>21.400<br>29.300<br>42.500<br>55.300<br>63.600<br>78.100 |
| 7   |                   | Ông nhựa xoắn HDPE WINCO Ø 110/90                                                                                                                                                                     | mét           |                        | Nhựa     | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Đã bao gồm vận chuyển | 12.800<br>14.900<br>21.400<br>29.300<br>42.500<br>55.300<br>63.600<br>78.100 |
| 8   |                   | Ông nhựa xoắn HDPE WINCO Ø 130/100                                                                                                                                                                    | mét           |                        | Nhựa     | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Đã bao gồm vận chuyển | 12.800<br>14.900<br>21.400<br>29.300<br>42.500<br>55.300<br>63.600<br>78.100 |



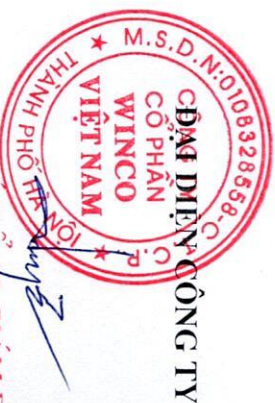
| STT                                        | Nhóm vật liệu *   | Tên vật liệu                                                             | Đơn vị tính * | Tiêu chuẩn kỹ thuật | Quy Cách | Nhà sản xuất              | Xuất Xứ  | Điều kiện thương mại | Vận chuyển            | Giá bán trên địa bàn Tỉnh Hải Phòng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) |
|--------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------|----------|---------------------------|----------|----------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 9                                          |                   | Ông nhựa xoắn HDPE WINCO Ø 160/125                                       | mét           |                     | Nhựa     |                           |          |                      |                       | 121.400                                                                  |
| 10                                         |                   | Ông nhựa xoắn HDPE WINCO Ø 195/150                                       | mét           |                     | Nhựa     |                           |          |                      |                       | 165.800                                                                  |
| 11                                         |                   | Ông nhựa xoắn HDPE WINCO Ø 230/175                                       | mét           |                     | Nhựa     |                           |          |                      |                       | 247.200                                                                  |
| 12                                         |                   | Ông nhựa xoắn HDPE WINCO Ø 260/200                                       | mét           |                     | Nhựa     |                           |          |                      |                       | 295.500                                                                  |
| III CỘT THÉP LIÊN CẦN MẠ KÈM NHỮNG NÔNG    |                   |                                                                          |               |                     |          |                           |          |                      |                       |                                                                          |
| 1                                          |                   | Cột thép Bát giác, Tròn côn liên cần đơn, D130/58mm, H=6m tôn dày 3mm    | Cột           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 2.656.000                                                                |
| 2                                          |                   | Cột thép Bát giác, Tròn côn liên cần đơn, D140/58mm, H=7m tôn dày 3mm    | Cột           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 3.120.000                                                                |
| 3                                          |                   | Cột thép Bát giác, Tròn côn liên cần đơn, D150/58mm, H=8m tôn dày 3mm    | Cột           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 3.616.000                                                                |
| 4                                          |                   | Cột thép Bát giác, Tròn côn liên cần đơn, D151/58mm, H=8m tôn dày 3,5mm  | Cột           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 4.065.000                                                                |
| 5                                          | Vật tư ngành điện | Cột thép Bát giác, Tròn côn liên cần đơn, D161/58mm, H=9m tôn dày 3,5mm  | Cột           | ASTM A123           | Thép     | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Dã bao gồm vận chuyển | 5.056.000                                                                |
| 6                                          |                   | Cột thép Bát giác, Tròn côn liên cần đơn, D171/58mm, H=10m tôn dày 3,5mm | Cột           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 5.600.000                                                                |
| 7                                          |                   | Cột thép Bát giác, Tròn côn liên cần đơn, D182/58mm, H=11m tôn dày 4mm   | Cột           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 6.247.500                                                                |
| 8                                          |                   | Cột thép Bát giác, Tròn côn liên cần đơn, D192/58mm, H=11m tôn dày 4mm   | Cột           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 6.804.000                                                                |
| IV CỘT THÉP ĐẦU NGỌN D78 MẠ KÈM NHỮNG NÔNG |                   |                                                                          |               |                     |          |                           |          |                      |                       |                                                                          |
| 1                                          |                   | Cột thép Bát giác, Tròn côn 6m D150/78-3mm                               | Cột           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 3.010.000                                                                |
| 2                                          |                   | Cột thép Bát giác, Tròn côn 7m D160/78-3mm                               | Cột           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 3.904.000                                                                |
| 3                                          |                   | Cột thép Bát giác, Tròn côn 8m D171/78-3,5mm                             | Cột           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 4.992.000                                                                |
| 4                                          |                   | Cột thép Bát giác, Tròn côn 9m D182/78-4mm                               | Cột           | ASTM A123           | Thép     | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Dã bao gồm vận chuyển | 6.213.900                                                                |
| 5                                          | Vật tư ngành điện | Cột thép Bát giác, Tròn côn 10m D192/78-4mm                              | Cột           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 7.046.550                                                                |
| 6                                          |                   | Cột thép Bát giác, Tròn côn 11m D202/78-4mm                              | Cột           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 7.906.500                                                                |
| V CẦN ĐÈN MẠ KÈM NHỮNG NÔNG                |                   |                                                                          |               |                     |          |                           |          |                      |                       |                                                                          |
| 1                                          |                   | Cần đèn CD-01 cao 2m, vưon 1,5m, dây 3mm                                 | Cải           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 1.280.000                                                                |
| 2                                          |                   | Cần đèn CK-01 cao 2m, vưon 1,5m, dây 3mm                                 | Cải           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 1.840.000                                                                |
| 3                                          |                   | Cần đèn CD-04 cao 2m, vưon 1,5m, dây 3mm                                 | Cải           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 1.328.000                                                                |
| 4                                          |                   | Cần đèn CK-04 cao 2m, vưon 1,5m, dây 3mm                                 | Cải           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 1.700.000                                                                |
| 5                                          |                   | Cần đèn CD-05 cao 2m, vưon 1,5m, dây 3mm                                 | Cải           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 1.120.000                                                                |
| 6                                          |                   | Cần đèn CK-05 cao 2m, vưon 1,5m, dây 3mm                                 | Cải           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 1.632.000                                                                |
| 7                                          |                   | Cần đèn CD-06 cao 2m, vưon 1,5m, dây 3mm                                 | Cải           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 768.000                                                                  |
| 8                                          |                   | Cần đèn CK-06 cao 2m, vưon 1,5m, dây 3mm                                 | Cải           |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 1.376.000                                                                |



| STT | Nhóm vật liệu *   | Tên vật liệu                                                                                                                 | Đơn vị tính * | Tiêu chuẩn kỹ thuật | Quy Cách | Nhà sản xuất              | Xuất Xứ  | Điều kiện thương mại | Vận chuyển            | Giá bán trên địa bàn Tỉnh Hải Phòng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) |
|-----|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------|----------|---------------------------|----------|----------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| 9   | Vật tư ngành điện | Cần đèn Ngồi xóm lắp trên cột chữ H và bê tông ly tâm D60x3mm, cao 1.380mm, vưon 735mm + Bộ gông V63x6mm, mạ kẽm nhúng nóng  | Bộ            | ASTM A123           | Thép     | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |                      | Đã bao gồm vận chuyển | 1.200.000                                                                |
| 10  |                   | Cần đèn Ngồi xóm lắp trên cột chữ H và bê tông ly tâm D60x3mm, cao 1.800mm, vưon 1200mm + Bộ gông V63x6mm, mạ kẽm nhúng nóng | Bộ            |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 1.376.000                                                                |
| 11  |                   | Cần đèn Ngồi xóm lắp trên cột chữ H và bê tông ly tâm D60x3mm, cao 2000mm, vưon 1500mm + Bộ gông V63x6mm, mạ kẽm nhúng nóng  | Bộ            |                     | Thép     |                           |          |                      |                       | 1.504.000                                                                |

| VI CỘT ĐA GIÁ MÀ KÈM NHỮNG NÔNG |                   |                                                                                                                             |     |           |      |                           |          |  |                       |             |
|---------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----------|------|---------------------------|----------|--|-----------------------|-------------|
| 1                               |                   | Cột đa giác 14m-130-5mm                                                                                                     | Cột |           | Thép |                           |          |  |                       | 19.636.000  |
| 2                               |                   | Cột đa giác 17m-150-5mm                                                                                                     | Cột |           | Thép |                           |          |  |                       | 25.905.000  |
| 3                               |                   | Cột đa giác 20m-180-5mm                                                                                                     | Cột |           | Thép |                           |          |  |                       | 35.175.000  |
| 4                               |                   | Long bãi pha không đèn 8 cạnh                                                                                               | Cột |           | Thép |                           |          |  |                       | 3.750.000   |
| 5                               |                   | Cột đa giác năng hạ 20m- ngon D260/600-5/5mm, bắt 8-16 đèn                                                                  | Cột | ASTM A123 | Thép | Công ty CP Winco Việt Nam | Việt Nam |  | Đã bao gồm vận chuyển | 145.000.000 |
| 6                               |                   | Cột đa giác năng hạ 25m- ngon D260/600-5/6/6mm, bắt 8-16 đèn                                                                | Cột |           | Thép |                           |          |  |                       | 185.000.000 |
| 7                               |                   | Cột đa giác năng hạ 30m- ngon D260/673-5/6/8mm, bắt 8-16 đèn                                                                | Cột |           | Thép |                           |          |  |                       | 225.000.000 |
| 8                               | Vật tư ngành điện | Cột đa giác năng hạ 35m- ngon D260/728-6/6/8/8mm, bắt 8-16 đèn                                                              | Cột |           | Thép |                           |          |  |                       | 350.000.000 |
| 9                               |                   | Cột đa giác SV D 30M + Dàn thao tác và Giá lắp đèn 24 - 32 đèn pha, có thang treo - ngon D950/450- 9/9/9/6mm dày 10/8/8/8mm | Cột |           | Thép |                           |          |  |                       | 550.000.000 |

- Mức giá trên có hiệu lực từ ngày 01 tháng 09 năm 2025 đến khi có bảng giá thay thế
- Giảm bán tại địa bàn chưa bao gồm thuế VAT, không bao gồm các khuyến mại hoặc chiết khấu.
- Địa chỉ công ty: Công ty cổ phần Winco Việt Nam
- Địa chỉ: Số 12 TT3 Khu đô thị Văn Phú, Phường Kiến Hưng, Thành Phố Hà Nội.
- Người chịu trách nhiệm báo giá: **Nguyễn Thị Phương**
- Số điện thoại: 097 164 0488, Email: kinhdoanh5@winco.vn
- Công ty CP Winco Việt Nam xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các tài liệu và mức giá mà đơn vị đã đăng ký, kê khai và niêm yết/.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

*Dương Văn Đông*